

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/HS-ST
Ngày 28-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Lành và ông Nguyễn Bá Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2023/ TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Phước H, sinh năm 2001 tại Gia Lai; nơi cư trú: 9/29 Đường S, tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Lưu B và bà Phan Thị Đ1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ ngày 19-10-2022 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: 420A Đường C, tổ 3, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Vũ Duy L, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn 4, xã Gào, thành phố P, tỉnh Gia Lai; địa chỉ nơi làm việc: 420A Đường C, tổ 3, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1960; địa chỉ: 58/1 Phạm Ngũ Lão, tổ 6, phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Lê Quốc L1, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Lâm Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: 268/2 đường V, tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Trần Thị Thu T1, sinh năm 1990; địa chỉ: 40C đường P, phường S,

thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Phan Thị Đ1, sinh năm 1973; địa chỉ: 9/29 Đường S, tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Phước H là nhân viên làm thuê tại cơ sở cầm đồ F81 (Địa chỉ: 420A Đường C, tổ 3, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai) do anh Nguyễn Văn Đ làm chủ. H được anh Đ phân công nhiệm vụ trực tiếp làm hợp đồng nhận cầm cố tài sản của khách hàng, quản lý những tài sản nhận cầm cố và giao trả tài sản cho khách hàng khi khách hàng đến chuộc lại tài sản; số tiền mà khách hàng trả, H trực tiếp nhận và có trách nhiệm ghi vào sổ để theo dõi, quản lý. Tại cơ sở cầm đồ F81, H và các nhân viên khác được anh Đ giao quản lý 2 két sắt cất giữ tiền của cơ sở cầm đồ và các tài sản, giấy tờ nhận cầm cố như: Chứng nhận đăng ký xe, điện thoại di động... Chìa khóa các két sắt này được anh Đ quy định để một chỗ cố định, H và các nhân viên khác đều có thể sử dụng chìa khóa này trong quá trình làm việc. Do cần tiền để tiêu xài, nên từ tháng 02-2020 đến tháng 02-2022, H đã nhiều lần lợi dụng sự tin tưởng, tín nhiệm của anh Đ khi giao việc, tự ghi không vào sổ việc khách hàng cầm cố điện thoại di động; không ghi vào sổ khi khách hàng đến trả tiền lãi, tiền gốc để chiếm đoạt tiền của cơ sở cầm đồ; tự ý lấy tiền của cơ sở cầm đồ để tiêu xài; chiếm đoạt tài sản của cơ sở cầm đồ... Cụ thể như sau:

Hành vi ghi không vào sổ theo dõi việc nhận cầm cố điện thoại di động (thực tế không có khách hàng nào cầm cố) để chiếm đoạt tiền của cơ sở cầm đồ:

- Ngày 10-6-2021, H ghi nhận cầm cố 1 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus 64G, giá 2.500.000 đồng để chiếm đoạt số tiền này.

- Ngày 04-10-2021, H nhờ anh Vũ Duy L (Là nhân viên cơ sở cầm đồ F81) ghi giúp nội dung nhận cầm cố 1 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A9 2020, giá 1.800.000 đồng để chiếm đoạt số tiền này.

- Ngày 21-12-2021, H ghi nhận cầm cố 1 điện thoại di động Redmi Note 9, giá 3.500.000 đồng để chiếm đoạt số tiền này.

- Ngày 26-12-2021, H ghi nhận cầm cố 1 điện thoại di động Iphone X 256G, giá 5.100.000 đồng để chiếm đoạt số tiền này.

- Ngày 04-01-2022, H ghi nhận cầm cố 1 điện thoại di động Iphone 6S 32G, giá 1.500.000 đồng và 1 điện thoại di động Iphone 6S Plus 16G, giá 2.000.000 đồng để chiếm đoạt số tiền này.

- Ngày 06-01-2022, H ghi nhận cầm cố 1 điện thoại di động Iphone XS Max 64G, giá 7.000.000 đồng để chiếm đoạt số tiền này.

- Ngày 10-01-2022, H ghi nhận cầm cố 1 điện thoại di động Iphone 8 Plus, giá 5.000.000 đồng để chiếm đoạt số tiền này.

- Ngày 29-01-2022, H ghi nhận cầm cố 1 điện thoại di động Iphone X 64G, giá 5.000.000 đồng để chiếm đoạt số tiền này.

Tổng số tiền mà Phạm Phước H chiếm đoạt của cơ sở cầm đồ F81 thông qua hành vi ghi khống việc nhận cầm cố tài sản là 33.400.000 đồng.

Hành vi nhận tiền gốc, tiền lãi của khách hàng nhưng không ghi vào sổ để chiếm đoạt:

- Ngày 24-8-2021, bà Huỳnh Thị K đến cơ sở cầm đồ F81 để nộp tiền lãi do cầm cố tài sản trước đó; H là người trực tiếp giao dịch với bà K. H nhận của bà K 2.000.000 đồng, nhưng không ghi vào sổ theo dõi, không báo cho anh Đ biết, mà chiếm đoạt số tiền này.

- Đầu tháng 02-2022 (không xác định chính xác được ngày), anh Lê Quốc L1 đến cơ sở cầm đồ F81 để chuộc lại xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vario, biển kiểm soát 81B3-126.62 mà anh L1 đã cầm cố trước đó; H là người trực tiếp giao dịch với anh L1. H nhận của anh L1 30.000.000 đồng tiền gốc và 3.200.000 đồng tiền lãi, nhưng không ghi vào sổ theo dõi, không báo cho anh Đ biết, mà chiếm đoạt số tiền này.

- Ngày 17-02-2022, ông Lâm Văn T đến cơ sở cầm đồ F81 để chuộc lại xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Air Blade, biển kiểm soát 81B1-521.56 mà ông T đã cầm cố trước đó; H là người trực tiếp giao dịch với ông T. H nhận của ông T 22.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi, nhưng không ghi vào sổ theo dõi, không báo cho anh Đ biết, mà chiếm đoạt số tiền này.

Tổng số tiền mà Phạm Phước H chiếm đoạt của cơ sở cầm đồ F81 thông qua hành vi nhận tiền gốc, lãi của khách hàng nhưng không ghi vào sổ là 58.200.000 đồng.

Hành vi tự ý lấy tiền của cơ sở cầm đồ để chiếm đoạt, tiêu xài:

Đầu năm 2022 (không xác định chính xác ngày, tháng), H tự ý mở két sắt của tiệm cầm đồ F81 lấy 5.000.000 đồng nhưng không ghi vào sổ theo dõi, không báo cho anh Đ biết mà chiếm đoạt số tiền này.

Hành vi thanh lý tài sản của cơ sở cầm đồ nhưng không giao nộp lại tiền và tự ý mang tài sản của cơ sở cầm đồ để mang đi cầm cố nơi khác lấy tiền tiêu xài:

- Khoảng giữa năm 2021, anh Nguyễn Văn Đ nhận cầm cố của khách hàng 1 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Movado, seri 6002M, nhưng sau đó khách hàng không đến chuộc lại. Cuối năm 2021 (không xác định chính xác ngày, tháng), anh Đ giao cho H đi thanh lý chiếc đồng hồ trên để thu hồi vốn cho cơ sở cầm đồ. H mang đồng hồ đi bán được 1.500.000 đồng, nhưng không đưa lại tiền cho anh Đ, không ghi vào sổ theo dõi, mà chiếm đoạt số tiền này.

- Ngày 14-02-2022, Hòa tự ý lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, biển kiểm soát 81H1-073.43 (là tài sản của anh Nguyễn Văn Đ giao cho H và các nhân viên khác kinh doanh cho thuê tại cơ sở cầm đồ F81) cùng với Giấy chứng nhận đăng ký xe, đến hiệu vàng K cầm cố cho chị Trần Thị Thu T1 (Là chủ hiệu vàng) lấy 15.000.000 đồng sử dụng tiêu xài. Quá trình điều tra vụ án, chị T1 không xác định được có nhận cầm cố xe mô tô 81H1-073.43 theo như lời

khai của H hay không, tại hiệu vàng V cũng không có xe mô tô 81H1-073.43, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Qua định giá, xác định xe mô tô 81H1-073.43 của anh Đ bị H chiếm đoạt vào ngày 14-02-2022, có trị giá 17.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản mà Phạm Phước H chiếm đoạt của cơ sở cầm đồ F81 thông qua hành vi thanh lý tài sản và tự ý mang tài sản đi cầm cố nơi khác để lấy tiền tiêu xài là 18.500.000 đồng.

Tháng 4-2022, anh Nguyễn Văn Đ phát hiện Phạm Phước H đã nhiều lần chiếm đoạt tiền, tài sản của cơ sở cầm đồ F81, nên cho H nghỉ việc và yêu cầu H phải trả lại tiền và các tài sản đã chiếm đoạt, nhưng H không trả. Ngày 05-10-2022, anh Đ tố giác hành vi của H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P. Đến ngày 19-10-2022, H đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi như nêu trên.

Qua điều tra, xác định tổng số tiền Phạm Phước H lợi dụng sự tin tưởng, tín nhiệm của anh Nguyễn Văn Đ để chiếm đoạt của cơ sở cầm đồ F81 là 115.100.000 đồng.

2. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Cáo trạng số: 78/CT-VKS ngày 10-4-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Phạm Phước H về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

3. Diễn biến tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Phước H và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phạm Phước H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; Điều 50; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Phước H với mức án từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Phạm Phước H đã tác động để bà Phan Thị Đ1 bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ 5.000.000 đồng, Phạm Phước H phải tiếp tục bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ 110.100.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo rất ăn năn, hối hận. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về cùng gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Phạm Phước H phạm tội như sau:

Phạm Phước H là nhân viên làm thuê tại cơ sở cầm đồ F81 do anh Nguyễn Văn Đ làm chủ. Quá trình làm việc tại cơ sở cầm đồ F81, Phạm Phước H và các nhân viên khác được anh Nguyễn Văn Đ giao quản lý kết sắt, tiền, các tài sản khác, trực tiếp giao dịch với khách hàng, có trách nhiệm ghi chép sổ sách thu, chi, theo dõi việc kinh doanh của cơ sở cầm đồ... Lợi dụng sự tin tưởng, tín nhiệm và giao quản lý tài sản của anh Nguyễn Văn Đ, từ tháng 02-2020 đến tháng 02-2022, Phạm Phước H đã nhiều lần thực hiện các hành vi: Tự ghi khống vào sổ việc khách hàng cầm cố điện thoại di động; không ghi vào sổ khi khách hàng đến trả tiền lãi, tiền gốc; tự ý lấy tiền của cơ sở cầm đồ mà không ghi vào sổ; thanh lý tài sản của cơ sở cầm đồ mà không nộp lại tiền; tự ý mang tài sản của cơ sở cầm đồ đi cầm cố nơi khác, để chiếm đoạt tiền và xe mô tô của cơ sở cầm đồ F81. Tổng trị giá tài sản mà Phạm Phước H chiếm đoạt của cơ sở cầm đồ F81 là 115.100.000 đồng. Ngày 19-10-2022, sau khi bị anh Đ tố giác, Phạm Phước H đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi như nêu trên.

Hành vi lợi dụng sự tin tưởng, tín nhiệm của người khác khi được giao quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của họ, do bị cáo Phạm Phước H thực hiện đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân và gây mất trật tự trị an xã hội. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Phạm Phước H về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung tăng nặng: “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình với một hình phạt tương xứng.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ 5.000.000 đồng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã đầu

thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có nghề nghiệp, việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về dân sự:

Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại là anh Nguyễn Văn Đ 5.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ 110.100.000 đồng.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với anh Vũ Duy L, là người được bị cáo Phạm Phước H nhờ ghi giúp nội dung nhận cầm cố 1 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A9 2020, giá 1.800.000 đồng vào sổ theo dõi của cơ sở cầm đồ F81 vào ngày 04-10-2021, để sau đó Phạm Phước H chiếm đoạt 1.800.000 đồng nêu trên, qua điều tra xác định: Giữa anh L và bị cáo không có sự trao đổi, thống nhất về việc chiếm đoạt tiền của cơ sở cầm đồ F81; khi ghi giúp bị cáo nội dung trên, anh L không biết là ghi không và không biết việc bị cáo sẽ chiếm đoạt tiền của cơ sở cầm đồ F81. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét, xử lý đối với anh L về vai trò đồng phạm với bị cáo H trong vụ án này, là có căn cứ.

Đối với chị Trần Thị Thu T1 (chủ hiệu vàng V), là người bị cáo Phạm Phước H khai đã nhận cầm cố xe mô tô hiệu Honda, loại xe AirBlade, biển số 81H1-073.43 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe do bị cáo mang đến, qua điều tra chị T1 không xác định được có nhận cầm cố xe mô tô nêu trên hay không và Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng không thu thập được tài liệu, chứng cứ gì khác, nên không có căn cứ xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; Điều 50; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Phước H.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phạm Phước H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Phước H 3 (ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 19-10-2022.

3. Về bồi thường thiệt hại:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Phước H phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ 110.100.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Phước H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.505.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo và bà Phan Thị Đ1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 28-6-2023. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
- UBND phường T, thành phố P;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người có QL, NVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền